

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan;
2. Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 2569/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 31/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 294/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; HKTT: Tổ C, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: 1377/42, tổ A, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Mai Văn H, sinh năm 1987; cư trú: 12/34, hẻm A, tổ A, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần N1; Trụ sở chính: 198 T, quận H, thành phố Hà Nội. Địa chỉ trụ sở chi nhánh Đ: 5 đường V, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2022, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Bà T và ông Mai Văn H kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi vã và không còn quan tâm đến nhau. Ông H thường xuyên chơi game dẫn đến nợ nần. Mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà T xin ly hôn với ông Mai Văn H.

- Về con chung: Bà T xác định có 01 con chung là cháu Mai Đức K, sinh ngày 01/09/2015. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng bà có vay 100.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP N1. Hiện nay vợ chồng bà vẫn trả tiền cho ngân hàng theo đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng.

*** Bị đơn ông Mai văn H1:** Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông H1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 trình bày:**

Ngày 25/10/2021, ông Mai Văn H và bà Trần Thị T1 có ký hợp đồng vay tín chấp với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 - chi nhánh Đ, vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn cho vay là 04 năm (đến hạn ngày 28/10/2025). Dư nợ tính đến ngày 20/03/2023 là 64.300.000 đồng (sáu mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng).

Quá trình trả nợ của ông H và bà T1 theo đúng lịch trả nợ vay.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 đề nghị ông Mai Văn H và bà Nguyễn Thị T tiếp tục thanh toán đầy đủ đúng hạn khoản vay cho ngân hàng. Trường hợp ông H và bà T được Tòa án chấp nhận cho ly hôn thì đề nghị Tòa án tuyên ai là người chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Mai Văn H; giao con chung là cháu Mai Đức K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và đề nghị xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đối với khoản nợ chung 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) của vợ chồng bà T tại Ngân hàng TMCP N1 thì hiện nay bà T và Ngân hàng đều xác định vợ chồng bà T vẫn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo cam kết trong hợp đồng tín dụng giữa các bên. Mặt khác, quá trình giải quyết Ngân hàng không có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án này. Do đó, nếu trường hợp có phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng TMCP N1 được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tổ tụng:

- Về tư cách tổ tụng và quan hệ tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Mai Văn H. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà T là nguyên đơn, ông H là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- ***Về thẩm quyền giải quyết:*** Theo biên bản xác minh ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, thì ông Mai Văn H đang cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- ***Về thủ tục ủy quyền:*** Theo văn bản ủy quyền số 551/UQ-Đon.HCNS ngày 26/12/2022 của Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh Đ thì ông Phạm Thành V – Giám đốc Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh Đ ủy quyền cho ông Trần Nam T2, ông Thái Hoàng H2, bà Huỳnh Thị Khánh L về việc thực hiện ký kết hợp đồng kinh doanh, thương mại, dân sự và các phụ lục hợp đồng, giấy tờ liên quan khác (nếu có) với khách hàng mà không ủy quyền cho các ông bà có tên trên tham gia tố tụng tại Tòa. Do đó, việc ủy quyền này không hợp lệ nên không chấp nhận việc ủy quyền.

- ***Về thủ tục tố tụng khác:*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Mai Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP N1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T, ông Mai Văn H có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014, quyển số 01/2014 ngày 13/01/2014, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy: Bà T khai, trong thời gian chung sống, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi vã và không còn quan tâm đến nhau. Ông H thường xuyên chơi game dẫn đến nợ nần. Mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Tại biên bản xác minh ngày 16 tháng 02 năm 2023, Ủy ban nhân dân phường T xác định vợ chồng bà T, ông H có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm rõ, vì các đương sự không trình báo hay yêu cầu địa phương hòa giải. Từ khi bà T gửi đơn xin ly hôn cũng như trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án nên được coi là bỏ mặc, không còn quan tâm đến việc giữ gìn và bảo vệ mối quan hệ vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông H đã rạn nứt không thể hàn gắn được. Ông H bỏ mặc nên việc đoàn tụ, tiếp tục xây dựng hạnh phúc là khó thực hiện được. Do đó, bà T xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà T xác định có 01 con chung là cháu Mai Đức K, sinh ngày 01/09/2015. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông H vẫn không lên Tòa để trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, cũng như cung cấp các tài liệu chứng cứ về điều kiện để nuôi con. Ông H cũng không có ý kiến phản bác về các yêu cầu nêu trên của bà T. Ngoài ra, tại bản tự khai của cháu Mai Đức K thì cháu K trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, giao cháu Mai Đức K cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên xét tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông H không lên Tòa cung cấp lời khai về tài sản chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông H có vay khoản tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh Đ. Quá trình vay bà T và ông H vẫn thực hiện trả nợ lãi và gốc cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho vay.

Mặt khác, Ngân hàng Thương Mại Cổ phần N1 có văn bản xác nhận ông Mai

Văn H và bà Nguyễn Thị T có ký hợp đồng vay Ngân hàng số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Quá trình vay, bà T, ông H vẫn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo cam kết trong hợp đồng vay giữa các bên, tính đến ngày 20/3/2023, bà T, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền là 64.300.000đ (sáu mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng). Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 đề nghị ông Mai Văn H và bà Nguyễn Thị T tiếp tục thanh toán đầy đủ đúng hạn khoản vay cho ngân hàng. Trường hợp ông H và bà T được Tòa án chấp nhận cho ly hôn, đề nghị Tòa án có nội dung trong bản án ly hôn tuyên ai là người chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho ngân hàng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng không có đơn yêu cầu độc lập nộp cho Tòa án. Ngoài ra, bà T và Ngân hàng đều có lời khai xác định vợ chồng bà T, ông H vẫn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi đúng và đầy đủ theo cam kết trong hợp đồng vay giữa các bên đã ký. Do đó, nếu trường hợp có phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng TMCP N1 được quyền khởi kiện ông H, bà T bằng một vụ án khác.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Mai Văn H.

Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Mai Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Đức K, sinh ngày 01/09/2015 cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Mai Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không lên Tòa làm việc nên không cung cấp lời khai cho Tòa. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 không có đơn yêu cầu độc lập đối với khoản nợ vay của ông H, bà T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004162 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục thi hành án DS TP. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Nguyệt

